

Trích Giảng Kinh Tiểu Bộ

Nguyễn Tâm Trần Phương Lan

---o0o---

Nguồn

<http://www.tuvienquangduc.com.au>

Chuyển sang ebook 27-04-204

Người thực hiện :

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

Giới Thiệu Thiên Cung Sự Và Ngạ Quỷ Sự

Tiểu Bộ - Thiên Cung Sự

Kinh Lâu đài có con voi (Kunjaravimàna)

Kinh Lâu đài của ngựa Kiên-trắc (Kanthakavimàna)

Kinh Lâu đài trinh phụ (Patibbatàvimàna)

Tiểu Bộ Kinh - Ngạ quỷ sự

Chuyện Nữ nhân sói đầu

Tiểu Bộ Kinh - Chuyện Tiên Thân

Chuyện Củ sen và hoa sen (Số 392, Tiên thân Bhisapuppha)

---o0o---

Giới Thiệu Thiên Cung Sự Và Ngạ Quỷ Sự

Thiên cung sự (Vimanavatthu) và Ngạ quỷ sự (Petavatthu) là hai tập 6 và 7 của Tiểu Bộ kinh (Khuddàka Nikàya). Hai tập kinh này được xếp thành một đôi vì cách trình bày hình thức lẫn nội dung đều tương tự. Cả hai tập kinh đều đề cập đến sự tương quan giữa nghiệp và quả (Kamma - Vipàka) giữa đời này và đời sau.

Tập Vimanavatthu gồm bảy chương, trong đó có 4 chương miêu tả các lâu đài trên Thiên giới dành cho các nữ nhân và 3 chương dành cho nam nhân. Tất cả các vị này đều đã sống đời đạo hạnh, hành trì Ngũ giới và Bát quan trai giới cùng các việc thiện khác, tùy theo phương tiện khả năng của mình.

Tất cả các chuyện này đã do Tôn giả Maha Moggallana (Đại Mục kiền liên) tường trình lên Đức Phật sau khi Tôn giả nhập định và nhờ thần lực đi lên cõi Thiên để gặp chư Thiên và hỏi chuyện. Về sau Đức Phật dùng các đề tài này để thuyết pháp.

Ở tập kinh này, chúng ta được dịp thưởng thức các văn thi kệ miêu tả đầy đủ mọi chi tiết về các kỳ quan trên thiên giới mà ta chưa từng gặp trong các tập kinh trước đây của 5 bộ Nikàya. Các văn kệ đầy thi vị hòa lẫn đạo vị ấy nói lên tính cách phong phú trữ tình của văn học Pàli được chư Tỷ kheo sáng tác với mục đích khuyến giáo sự tu tập của giới Phật tử tại gia.

Chuyện Nga quý (Petavatthu) là tập kinh song hành với tập chuyện Thiên cung, miêu tả cảnh giới đau khổ của những người đã tạo ác nghiệp từ Tăng chúng cho đến giới cư sĩ tại gia. Các loài quý (Peta) trong các chuyện này gồm hai loại: một loại Nga quý hoàn toàn chịu khổ đau mọi mặt, và một loại quý thần được hưởng một phần hạnh phúc do một số thiên nghiệp đã làm và một phần khổ đau do ác nghiệp đời trước.

Tuy nhiên một số quý này được hưởng phước báo khi may mắn gặp thân nhân hay một vị Tỷ kheo thương xót nhận làm các thiện sự, bố thí, cúng dường v.v... rồi hồi hướng công đức về chúng để mong chúng được thoát khổ cảnh. Ở đây ta gặp những văn kệ miêu tả sự tương phản giữa hai cảnh giới nga quý và thần tiên của các loài quý.

Qua hai tác phẩm trên, tôi hy vọng chư vị Phật tử và độc giả thưởng thức những công trình văn học Pàli đầy tính cách đạo đức khuyến dụ mọi giới Phật tử một nếp sống đạo hạnh chân chánh để được hưởng hạnh phúc ở đời sau, nếu chưa được giác ngộ giải thoát hoàn toàn theo lý tưởng Phật giáo.

(Trích Nguyệt san Giác Ngộ, số 34, 01-1999)

---o0o---

Tiểu Bộ - Thiên Cung Sự

Kinh Lâu đài có sàng tọa

Một thời Đức Thế Tôn trú tại Sàvatthi (Xá Vệ), ở Jetavana (Kỳ Viên) trong tinh xá ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc). Sau khi vua Pasenadi (Ba Tư Nặc), nước Kosala (Kiền Tát La), đã cúng dường suốt bảy ngày lễ vật vô thượng lên Tăng chúng với Đức Phật đứng đầu, nhà đại phú Anàthapindika đã cúng dường suốt ba ngày để phù hợp với lễ vật của nhà vua; và đại đệ tử nữ, cư sĩ Visàkhà (Tỳ Xá Khư) cũng cúng dường đại lễ vật như thế, tin đồn về sự cúng dường vô thượng được truyền đi khắp cõi Jambudìpa (Diêm Phù Đề) : "Phải chăng bố thí cúng dường chỉ đặc biệt phát sinh kết quả lớn khi

đó là sự bố thí hào phóng với lễ vật cao sang như vậy, hay đúng hơn, đó là sự bố thí cúng dường tùy theo phương tiện của mình ?". Khi Tăng chúng nghe lời bình luận này, chur vị trình lên Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn bảo :

-- "Không phải chỉ do hiệu lực của tặng vật mà việc bố thí cúng dường đặc biệt phát sinh kết quả lớn, song đúng hơn, do hiệu lực của tín tâm và phước điền của những người nhận được vật cúng dường. Vì vậy, dù chỉ nhỏ bằng một nắm thóc hay một tấm giẻ, một tọa cụ bằng cỏ lá hay một hạt đậu trong nước tiểu hôi thối của trâu bò, được cúng dường với lòng thành cho một người xứng đáng nhận lễ vật cũng sẽ có đại kết quả, đại vinh quang và thâm nhuần khắp nơi".

Thiên chủ Sakka đã nói như vậy :

-- "Nếu có tín tâm, thì không một vật cúng dường nào có thể nói là không quan trọng, khi nó được dâng lên Đức Như Lai, Chánh đẳng giác hay vị đệ tử của Ngài". Bấy giờ, chuyện này được phổ biến khắp cõi Diêm Phù Đề. Quần chúng tùy theo phương tiện của họ bố thí, cúng dường Sa môn, Bà la môn, du sĩ lữ hành và hạng người cùng khổ; họ cung cấp nước uống trong sân nhà hoặc để ghé ngồi ở cổng ra vào.

Thời ấy có một Tỷ kheo đầy đủ hảo tướng oai nghi, đến khát thực đứng thời trước một nhà kia. Tại đó, vị thiện gia tín nữ chào đón vị ấy, cung kính đánh lễ và trải một tấm vải vàng được ủi thẳng trên sàng tọa của bà rồi đem lại dâng vị ấy.

Bà cúng dường món ăn mà bà có thể sắm được và quạt hầu vị ấy. Vốn tâm tín thành, bà suy nghĩ : "Nay vừa phát sinh một phước điền vô thượng dành cho ta".

Khi vị Tỷ kheo đã thọ thực xong, vị ấy thuyết pháp về sự cúng dường sàng tọa và thực phẩm v.v... rồi ra đi. Khi bà ấy nghĩ về việc bố thí của bà và bài pháp thoại, tâm bà lập tức rung động với niềm hoan lạc và bà cúng dường vị Tỷ kheo cả chiếc sàng tọa ấy nữa.

Ít lâu sau, bà mắc bệnh từ trần và được tái sinh vào cõi Trời Ba Mươi Ba trong một lâu đài bằng vàng dài mười hai do tuần (dặm). Bà có một đoàn tùy tùng hầu cận gồm một ngàn tiên nữ. Vì trước kia bà cúng dường sàng tọa, nên tại đây xuất hiện cho bà một chiếc sàng tọa bằng vàng dài một do tuần, du hành thật nhanh qua bầu trời, giống như một ngôi nhà có nóc nhọn. Vì thế nó được gọi là "Lâu đài có sàng tọa". Vì chiếc sàng tọa được cúng dường trước kia có phủ tấm vải vàng, nên lâu đài này bằng vàng, chứng tỏ sự tương tự giữa nghiệp và quả. Vì sàng tọa đã được cúng với tâm hoan hỷ mãnh liệt, nên lâu đài di chuyển rất nhanh. Vì lễ vật được cúng dường với sự thích thú của người xứng đáng nhận nó, nên lâu đài có thể di chuyển tùy theo sở thích của bà. Vì hiệu quả tín tâm hoan hỷ của nữ nhân kia, nên lâu đài rực rỡ và sáng chói.

---o0o---

A) Duyên khởi của tập Chuyện Thiên cung (trích từ Sớ giải)

Một hôm, ý tưởng này khởi sanh trong trí Tôn giả Mahà Moggallàna (Đại Mục Kiên Liên) khi Tôn giả đang đọc cư thiên định : "Vào thời này nhiều người tuy chưa đầy đủ về căn cơ và phước đức, song đạt đến tâm an tịnh, vẫn được tái sanh vào cõi Thiên sau khi làm các phước nghiệp và thọ hưởng thiên lạc huy hoàng. Giả sử nay ta du hành lên cõi Thiên và hỏi trực tiếp chư Thiên do phước nghiệp gì mà bây giờ chư vị thọ hưởng quả vị ấy? Rồi nếu ta trình vấn đề lên Đức Thế Tôn, Ngài có thể thuyết pháp dựa trên các chuyện Thiên cung này. Việc ấy sẽ đem đến lợi ích, an lạc, hạnh phúc của chư Thiên và loài người". Tôn giả trình lên Đức Thế Tôn những việc Tôn giả muốn làm, và Ngài chấp nhận. Ngay sau đó, lúc nhập Tứ thiền, y cứ vào các thắng trí do thần thông lực, Tôn giả lập tức đến cõi Tam thập tam Thiên và hỏi chư Thiên này về phước nghiệp. Chư vị kể lại với Tôn giả. Rồi khi trở về cõi người, Tôn giả trình Đức Thế Tôn những việc đã xảy ra. Bậc Đạo Sư chấp nhận và thuyết pháp cho hội chúng, lấy sự kiện này làm đề tài.

---o0o---

B) Nhận xét chung

Vì an lạc của chư Thiên và loài người. Tôn giả Mục Kiên Liên dùng thần thông lực du hành lên Thiên giới để tìm hiểu tương quan giữa nghiệp và quả qua các trường hợp cụ thể và sau đó Đức Phật dùng đề tài ấy để thuyết pháp cho giới đệ tử tại gia.

Bồ thí, trì giới, các cõi Trời, là những bài học đầu tiên Ngài dành cho những người có tín tâm bước vào đạo. Bồ thí và trì giới đem lại hạnh phúc, an lạc thiết thực với người cho lẫn người nhận ở đời này và còn sinh kết quả tốt đẹp ở đời sau.

Bài kinh khởi đầu bằng sự kiện đại bồ thí của một số thí chủ danh tiếng khiến quần chúng thời ấy tự hỏi ý nghĩa thực sự của bồ thí, và họ được Đức Phật xác nhận: kết quả của bồ thí tùy thuộc vào tín tâm hoan hỷ của người cho và phước điền của người nhận. Vì vậy sự bồ thí khiêm tốn cũng có thể đem lại kết quả lớn như những lễ vật cao sang. Bài kinh còn nêu rõ sự tương quan giữa nghiệp và quả trong từng chi tiết. Bồ thí tùy khả năng phương tiện là điều được nhân mạnh. Chư Thiên (Devà) theo nguyên nghĩa là "những vị

có hào quang". Hào quang ấy cùng các thiên lạc mà vị Thiên ấy thọ hưởng nhiều hay ít đều tùy thuộc vào công đức mà vị ấy đã tạo khi còn ở cõi người. Do vậy, chư Thiên được hưởng một cuộc sống lâu dài, dung sắc siêu phàm cùng các thiên lạc cao quý hơn loài người. Tuy thế, chư Thiên vẫn ở trong vòng luân hồi sanh tử, cho nên trong các chuyện Thiên cung, nhiều vị thiên nam thiên nữ luôn tỏ lòng tôn kính Đức Phật cùng chư Tăng; và qua nhiều chuyện, một số lớn các vị Thiên ấy vẫn trình bày nguyện vọng tu tập tinh cần theo Phật pháp để có thể chứng đạt những thành quả cao hơn trên con đường đi đến giải thoát giác ngộ hoàn toàn

Nguyệt san Giác Ngộ, số 35, 02-1999

--- oOo ---

Kinh Lâu đài có con voi (Kunjaravimàna)

Đức Thế Tôn lúc ấy đang trú tại Ràjagaha (Vương xá) ở chỗ nuôi sóc trong Veluvana (Trúc lâm). Bấy giờ một hôm có lễ hội được công bố khắp thành Ràjagaha. Mọi người đều phục sức thật đẹp và đi dự lễ hội.

Bấy giờ Đại vương Bimbisàra (Tần Bà Sa) thể theo nguyện vọng của thần dân, ngự ra khỏi cung và đi dự lễ quanh kinh thành trong cảnh vô cùng uy ghi rực rỡ. Thời ấy một thiện nữ nhân trú tại Ràjagaha thấy cảnh huy hoàng của nhà vua, lòng đầy kinh ngạc thích thú, bèn hỏi những người có tiếng thông thái :

-- Nhờ phước nghiệp gì ta tạo được cảnh vinh quang như Thiên giới này ?

Họ bảo nàng :

-- Nàng bạn, một thiện nghiệp cũng như viên ngọc quý làm thỏa nguyện (ngọc như ý), hay cây thần ban điều ước vậy.

Khi nghe thế, nàng tự nhủ: "Ta thấy kết quả trên Thiên giới còn vĩ đại hơn phần thưởng kia (do việc bố thí cúng dường)". Từ đấy nàng trở nên nhiệt tâm thực hành các công đức thiện nghiệp.

Bấy giờ, cha mẹ gửi cho nàng một bộ y phục mới, một sàng tọa mới, một bó hoa sen, sữa, lạc, mật ong, đường và gạo. Khi thấy các thứ này, nàng tự bảo: "Ta muốn bố thí, và bây giờ các lễ vật xứng đáng bố thí cúng dường đã có trong tay ta". Và với lòng hoan hỉ, nàng chuẩn bị lễ vật, nhà cửa và bản thân vào ngày hôm sau.

Thời ấy Tôn giả Sàriputta (Xá Lợi Phất) đi khát thực trong thành Ràjagaha, vào đường phố với oai nghi của một người đang đặt chiếc túi đựng một ngàn đồng tiền (dấu hiệu của một người đặc biệt). Người nữ tì của nàng thấy vị Trưởng lão liền thưa :

-- Bạch Tôn giả, xin đưa bình bát cho tiện nữ.

Và nàng nói thêm :

--Xin Tôn giả đi lối này để làm đặc ân cho một tín nữ.

Tôn giả trao nàng chiếc bình bát. Nàng dẫn Tôn giả đến nhà. Lúc ấy nữ nhân kia chào đón và phục vụ Tôn giả. Trong lúc nàng thết đãi Ngài, nàng phát nguyện: "Do uy lực của phước nghiệp này, ước mong ta sẽ được mọi cảnh vinh quang trên Thiên giới, đầy đủ các Thiên tượng, trùng các và sàng tọa, và ước mong không lúc nào thiếu hoa sen".

Kế đó, khi vị Trưởng lão đã thọ thực xong, nàng rửa bình bát và đổ đầy lạc, mật ong, đường, cùng các thứ khác, lại lấy một xấp vải trải lên sàng tọa và trao tận tay vị Trưởng lão. Sau khi vị Trưởng lão đã già từ, nàng ra lệnh cho hai gia nhân :

-- Hãy đem sàng tọa này và bình bát đến tinh xá, cúng dường Trưởng lão ấy rồi trở về.

Họ tuân lệnh. Về sau, nàng từ trần và được tái sinh vào cõi trời Ba mươi ba trong một Lâu đài bằng vàng cao một trăm do-tuần và có một đoàn tùy tùng hộ tống, gồm một ngàn tiên nữ.

Do ước nguyện của nàng, một con voi quý cao năm do-tuần xuất hiện cho nàng, được quán quanh mình với các vòng hoa sen và trang điểm cân đai toàn vàng. Bảy giờ vào một ngày lễ hội, chư Thiên đều đi dự, mỗi vị tùy theo uy lực của mình đến Thiên lạc viên Nandana để vui chơi trong ngự uyển. (Từ đây về sau câu chuyện cũng giống như phần số giải Lâu đài thứ nhất). Như vậy, chuyện này phải được hiểu như trong chuyện ấy; song ở đây, Tôn giả Moggallàna (Mục kiền liên) ngâm các vần kệ sau :

1- *"Voi nàng như ngọn núi huy hoàng,
Tô điểm cân đai đủ ngọc vàng,
Khả ái, oai hùng, đầy tốc lực,
Nhẹ nhàng di chuyển giữa không gian.*

2- *Đây là một bảo tượng liên hoa,
Ánh sáng sen xanh, đỏ tỏa ra,
Chân cẳng voi đầy hương phấn phủ,
Sen vàng treo lủng lẳng trên ngà.*

3- *Rải rác hoa sen khắp mặt đường,
Phẳng lì, tô điểm cánh sen tàn,
Khiến lòng mê mẩn, đầy êm ái,
Vương tượng bước đi thật nhịp nhàng.*

4- *Trong lúc tượng vương tiến bước lên,
Chuôi chuông vàng trỗi khúc êm đềm,
Chúng thanh chẳng khác nào âm nhạc
Năm thứ đàn tơ hợp tấu nên.*

5- *An tọa trên lưng đại tượng vương,*

*Xiêm y nàng trắng, khéo trang hoàng,
Trông nàng thù thắng về dung sắc,
Vượt hẳn bao Tiên nữ cả đoàn.
6- Kết quả này do việc cúng dường,
Hay trì giới, hoặc chấp tay nàng ?
Khi nàng được hỏi điều như vậy,
Hãy nói cho ta biết rõ ràng".
7- Nàng Thiên nữ ấy hỉ tâm tràn,
Được Mục Liên Tôn giả hỏi han,
Nàng giải đáp ngay phần hạnh nghiệp,
Và đây là kết quả cho nàng:
8- "Thấy một Sa môn đủ tướng hiền,
Hân hoan thiên định, trí an nhiên,
Con dâng sàng tọa đầy hoa rắc,
Với một tấm khăn vải phủ lên.
9- Tâm tín thành, tay tự trải khăn,
Rải hoa sen nở đã gần tàn,
Cùng chung các cánh hoa sen rụng,
Khấp chón bao quanh chiếc tọa sàng.
10- Kết quả này do thiện nghiệp duyên,
Nên con nhận được của chư Thiên
Ân tình phụng sự và thương mến,
Con được tôn vinh ở cõi Tiên.
11- Quả thực kẻ nào có tín tâm,
Muốn đem sàng tọa để cúng dâng
Những người giải thoát, tâm thanh tịnh,
Sẽ được như con, hưởng phước ân.
12- Vậy do ước vọng được an lành,
Mong quả lớn sau sẽ đạt thành,
Phải tặng tọa sàng cho những vị
Mang thân đời cuối chẳng lai sanh".*

Nhận xét:

Bồ thí, trì giới, các cõi Trời, là những bài học đầu tiên Đức Phật dạy cho các đệ tử tại gia khởi đầu học đạo, và những ai có tín tâm vào lời dạy của Ngài đều muốn thực hành chúng để đem lại an lạc hạnh phúc cho bản thân và nhiều người khác ở đời này lẫn đời sau.

Thực hành bồ thí là thực hành tính vị tha, sẵn sàng phục vụ những ai đang có nhu cầu trong cuộc sống, thay vì phục vụ riêng mình vốn là khuynh hướng tự nhiên của con người. Nàng thiếu nữ trong chuyện này tượng trưng những

người đầy lòng tin vào đạo, ước mong có cơ hội để thực hiện tâm nguyện của người Phật tử tại gia. Và cơ hội ấy đã đến. Nàng gặp duyên lành tiếp xúc với Tôn giả Sàriputta, đệ nhất đại đệ tử được Đức Phật ban danh hiệu "Vị tướng quân chánh pháp" (Dhammasenapati), tượng trưng trí tuệ tối cao của hàng đệ tử xuất gia, chỉ đứng sau trí tuệ vô thượng của Đức Phật mà thôi.

Quả đúng như lời Đức Phật dạy, nàng đã gặp vị đại diện phước điền vô thượng ở đời để gieo trồng công đức, nên hạt giống ấy đem lại bao kết quả sung mãn cho nàng về sau.

Nàng tín nữ thể hiện ước mong phục vụ một bậc cao tăng hiền đức qua cách trân trọng dâng lên Tôn giả tứ sự cúng dường tùy theo khả năng và phương tiện khiêm tốn của nàng, đó là tất cả những gì nàng có được do cha mẹ đã tặng nàng. Sự việc ấy nói lên tấm lòng thành kính của nàng trong khi thực hành bố thí và đem lại kết quả đời sau phù hợp với nguyện vọng của nàng.

Các vần thi kệ Pàli miêu tả một bảo tượng liên hoa, đó là một voi báu phủ đầy hoa sen tỏa ánh sáng với các chi tiết đặc sắc chứng tỏ nghệ thuật thi ca điêu luyện của chư vị kết tập kinh điển đã đưa người đọc vào một bối cảnh Thiên giới tân kỳ chưa từng có trong các bộ kinh trước.

Tiếp theo cảnh huy hoàng của nàng Thiên nữ ngự trên lưng voi ấy là những lời giải thích của nàng về sự tương quan giữa nghiệp nhân và nghiệp quả, cùng lời nhắn nhủ của nàng với những ai có lòng tin vào đạo muốn thực hành thiện sự để được an lạc hạnh phúc trong cả hai thế giới chư Thiên và nhân loại.

Nguyệt san Giác Ngộ, số 36, 03-1999

--- o0o ---

Kinh Lâu đài của ngựa Kiên-trắc (Kanthakavimàna)

LTS: Nhân dịp lễ Phật Đản, Nguyệt san Giác Ngộ xin trân trọng giới thiệu kinh "Lâu đài của ngựa Kiên-trắc". Kanthaka (Kiên Trắc) là con ngựa quý ra đời tại hoàng cung của Vua Suddhodana (Tịnh Phạn) cùng một ngày với Thái tử Siddhattha (Sĩ-đạt-ta). Kiên-trắc lớn lên và phục vụ nhà vua cho đến năm 29 tuổi, nó cùng với người giữ ngựa Channa (Xa-nặc) đưa Thái tử lên đường xuất gia; sau đó ngựa đau buồn phát bệnh, từ trần và tái sinh lên cõi Trời. Câu chuyện này thuật lại cuộc gặp gỡ giữa Tôn giả Mục-kiền-liên và Thiên tử Kiên-trắc trên Thiên giới.

Bấy giờ Đức Thế Tôn trú tại Sàvatthi, trong Kỳ Viên. Thời ấy, khi Tôn giả Mahà-moggallàna (Đại Mục-kiền-liên) du hành lên Thiên giới, một vị Thiên tử tên là Kanthaka vừa bước ra khỏi lâu đài của chàng, đang lên xe đến vườn thượng uyển cùng với đoàn tùy tùng đông đảo trong oai nghi đầy thiên lực.

Khi thấy Tôn giả, vị Thiên tử vội xuống xe và đánh lễ Tôn giả. Vị trưởng lão liền hỏi chàng :

1-2. Như trăng rằm, chúa tể muôn sao,
Tinh tú vây quanh tựa đứng châu,
Mặt nguyệt xoay vần hình thỏ ngọc,
Lâu đài Thiên tử sáng đường nào,
Nguy nga tráng lệ trên Thiên giới,
Như mặt trời lên giữa cõi cao.

3-4. Ngọc bích, lưu ly, mã não, vàng,
Ngọc trai, hồng ngọc, bạc trang hoàng,
Nền màu rực rỡ đầy kỳ thú,
Ngọc bích dát lên khắp mặt sàn,
Trùng các nóc cao vời tuyệt mỹ,
Cung điện chàng xây dựng vẻ vang.

5. Chàng có hồ sen tạo mỹ quan,
Cá pu-thu (1) lội nước tung tăng,
Nước hồ lấp lánh và trong vắt,
Bờ được viền quanh với cát vàng.

6. Mặt hồ bao phủ các hoa sen,
Hoa súng lan tràn khắp phía trên,
Làm đắm say lòng, cơn gió thoảng
Tỏa làn hương tuyệt diệu quanh miền.

7-8. Đồi bờ có đủ các cây rừng
Kết trái đơm hoa thật khéo trông,
Khi chàng an tọa như Thiên chủ,
Tràng kỷ chân vàng, lót thảm lông.

9. Tiên nữ hầu chàng khéo điểm trang,
Vòng hoa đủ loại, với kim hoàn
Làm chàng thích thú, chàng an hưởng
Đại lực thân như đấng Ngọc Hoàng.

10. Tù và, kèn, trống, với huyền cầm,
Trống lớn, trống con đánh bập bùng,
Thiên tử hưởng tràn đầy lạc thú
Khi đàn, ca, vũ, nhạc vang lừng.

11. Đây đây thiên sắc với thiên thanh,
Thiên vị, thiên hương đẹp ý mình
Thiên xúc mượt mà, êm dịu quá,
Thật là vạn trạng với thiên hình.

12. Trong lâu đài rực rỡ huy hoàng,
Chàng chính là Thiên tử đại quang

Với sắc siêu phàm chàng chiếu sáng
Trông chàng chẳng khác ánh chiếu dương.

13. Kết quả này do việc cúng dường,
Hoặc do trì giới luật thông thường,
Hoặc do đánh lễ đầy cung kính?
Được hỏi, xin cho biết hỏi chàng.

14. Chàng Thiên tử ấy hỉ tâm tràn
Được Mục-liên Tôn giả hỏi han,
Chàng giải đáp ngay phân hạnh nghiệp
Và đây là kết quả cho chàng:

15. "Trong chốn kinh thành tuyệt diệu xưa,
Ca-tỳ-la-vệ, tộc Thích-ca,
Con là Kiên-trắc, cùng sinh nhật
Với Thái tử là Sĩ-đạt-ta.

16. Vào nửa đêm, vương tử xuất gia
Đi tìm Giác ngộ, già từ nhà,
Với bàn tay dịu bao màn lưới (2),
Các móng đồng thau chiếu sáng lò (3).

17. Ngài bảo con, vừa vô mạn sườn:
"Hãy mang ta, hỏi bạn hiền thương,
Khi nào giác ngộ đường vô thượng,
Ta sẽ giúp người khắp thế gian".

18. Khi được nghe lời nói của Ngài,
Lòng con rộn rã vạn niềm vui,
Với tâm phấn khởi, đầy hoan hỉ,
Tuân lệnh trên, con vội hí dài.

19. Khi biết hoàng nam Tịnh Phạn Vương,
Đại danh lừng lẫy, cõi lừng con,
Với tâm phấn khởi, đầy hoan hỉ,
Con rước người vô thượng chí tôn.

20. Vượt qua đất nước của người ta,
Khi mặt trời lên đã quá xa,
Ngài bước đi, lòng không luyến tiếc,
Bỏ con cùng với chú Chan-na.

21. Con liếm chân Ngài với lưỡi con,
Chân Ngài có các móng màu đồng,
Và con kêu khóc nhìn theo mãi
Khi thấy Ngài đi, bậc Đại hùng.

22. Vì không còn thấy bóng huy hoàng
Của Thái tử, con Tịnh Phạn Vương,

*Con ngã quy ngay, lâm trọng bệnh,
Và nhanh chóng già biệt trần gian.
23. Chính nhờ Ngài có đại oai thần,
Ở tại Thiên cung, con trú thân,
Thành phố chư Thiên này có đủ
Biết bao niềm lạc thú vô ngân.
24. Khi nghe Ngài giác ngộ viên thành,
Hỷ lạc trong lòng con khởi sanh,
Do chính căn nguyên thuần thiện ấy
Mà con sẽ tận diệt vô minh.
25. Nếu như Tôn giả có đi ra
Và yết kiến Ngài, bậc Đạo sư
Tôn giả nói giùm con kính lễ
Dưới chân Đức Phật Gô-ta-ma.
26. Con sẽ hầu thăm bậc Đại hùng,
Là người không có kẻ ngang bằng,
Khó tìm thấy được người che chở
Như Đức Phật che chở cõi trần".
27. Rồi chàng Thiên tử, đáng tri ân,
Biết lợi lạc, nên tiến đến gần ;
Khi đã nghe lời Ngài có mắt,
Chàng thanh tịnh pháp nhãn ly trần (4).
28. Tẩy sạch lòng nghi, đạt tín tâm,
Phát nguyện tu tập, vững tinh cần,
Khẩu đầu đánh lễ chân sư phụ,
Chàng biến mất ngay khỏi cõi trần.*

-oOo-

Nhận xét:

Chuyện Thái tử Sĩ-đạt-ta nửa đêm rời bỏ hoàng cung lên đường cùng Xa-nặc cỡi ngựa Kiên-trắc đến tận bờ sông Anoma đã là nguồn cảm hứng của biết bao thi ca, nhạc kịch, hội họa, điêu khắc từ ngàn xưa đến nay. Hơn hai mươi thế kỷ qua, vô số Phật tử khắp thế giới đã xúc động trước cảnh con tuấn mã Kiên-trắc cùng Xa-nặc đưa Thái tử ra đi giữa đêm khuya, và sau đó con ngựa không chịu nổi sự chia ly với vị chủ nhân muôn vàn kính yêu nên đã lâm bệnh từ trần và tái sanh cõi Trời.

Chuyện Lâu đài của ngựa Kiên -trắc là một trong những chuyện Thiên cung đặc sắc nhất, qua đó chư vị kết tập kinh điển đã dày công sáng tác những vần

thơ tuyệt diệu ca tụng cảnh lâu đài của Thiên tử Kiên-trắc với đầy đủ thiên lạc: sắc, thanh, hương, vị, xúc trong muôn ngàn vẻ đẹp mà người đời không sao tưởng tượng nổi.

Tiếp theo đó là lời tự thuật của Thiên tử Kiên-trắc về nghiệp nhân của chàng ở cõi người và nghiệp quả chàng đang thọ hưởng ở cõi Thiên.

Tuy nhiên, chàng Thiên tử này cũng như một số Thiên tử khác, vẫn thường tỏ ước mong tu tập theo giáo pháp của Đức Phật. Vì vậy, sau khi giã từ Tôn giả Mục-kiền-liên, chàng đã xuống cõi người yết kiến bậc Đạo sư để nghe Ngài thuyết pháp và đặc pháp nhãn vô trần ly cấu, tức là tri kiến của bậc Dự lưu thấy rõ các pháp có sanh khởi đều phải chịu hoại diệt, do đó chàng đoạn trừ nghi hoặc, khởi lòng tịnh tín đối với Phật-Pháp-Tăng và phát nguyện tu tập tinh cần trên con đường giải thoát giác ngộ mà Đức Phật đã đi tìm trước.

* *Chú thích :*

1. Puthuloma : giống cá quý.
2. Tay có màn lưới phủ là một trong các đại nhân tướng của Đức Phật.
3. Các móng tay, chân màu đồng cũng là quý tướng.
4. Đặc pháp nhãn vô trần là thấy sự sanh diệt của các pháp, tức là đặc quả Dự lưu

Nguyệt san Giác Ngộ, số 38, 05-1999

--- o0o ---

Kinh Lâu đài trinh phụ (Patibbatàvimàna)

Bấy giờ, đức thế tôn trú tại Sàvatthi. Trong thành ấy có một trinh phụ. Nàng sống hoà hợp với chồng, nhẫn nại và thông minh. Nàng không la mắng ai, dù khi hờn giận. nàng nói năng dịu dàng, chân thật, đầy tín tâm và cúng dường bố thí tùy theo phương tiện của nàng.

Khi lâm trọng bệnh, nàng từ trần và được tái sinh vào cõi trời ba mươi ba. Phần còn lại cũng giống như chuyện đã được kể:

1. *Thiên nga, sếu, hạc với chim công,
Cu gáy du dương lượng khắp vòng
Lầu các, lạc viên hoa tuyết sắc,
Dập dìu bao ngọc nữ tiên đồng.*
2. *Thiên nữ đặng kia đại hùng lực
Thay đổi hình dạng với thần thông
Cùng đoàn tiên nữ vây quanh ấy
Múa hát vui chơi thật thoả lòng*
3. *Đạt thành thiên lực đại oai thần*

Nàng tạo đức gì giữa thế nhân
Vì có gì oai nghi rực rỡ,
Dung quang toả khắp mười phương?
4. Nàng thiên nữ ấy tâm hỉ tràn,
Được Mục Liên Tôn Giả hỏi han
Nàng giải đáp ngay phần hạnh nghiệp,
Và đây là kết quả cho nàng:
5. Khi được làm người giữa thế nhân,
Con là trinh phụ chẳng tà dâm
Như hiền mẫu che chở con trẻ,
Không nói lời thô lúc sân hận.
6. Chân thật, đoạn trừ các vọng ngôn,
Hân hoan bố thí, tính ân cần,
Với tâm thành tín, con cung kính
Hào phóng cúng dường thức uống ăn.
7. Vì vậy sắc con đẹp thế này,
Và con vinh hiển ở nơi đây
Bất kì lạc thú nào trong dạ
Yêu chuộng, tức thì xuất hiện ngay.
8. Xin trình Tôn Giả đại oai thần,
Công đức con làm giữa thế nhân,
Vì thế oai nghi con rực rỡ,
Dung quang toả sáng khắp mười phương.

-ooOoo-

Nhận xét:

Ngoài những bài kinh thuyết giảng cho Tăng chúng về đời sống phạm hạnh, Đức Phật còn lưu tâm dạy bảo giới cư sĩ về hạnh phúc của đời sống tại gia. Điển hình là kinh Giáo Thọ Thi Ca La Việt trong Kinh Trường Bộ, trình bày những lời dạy thiết thực của Ngài về đường lối xử thế đúng đắn trong tương quan giữa cha mẹ con cái, thầy trò, vợ chồng, bằng hữu và chủ tớ. Nói chung, đó là những tương quan đầy thân ái giữa người và người trong gia đình cũng như ngoài xã hội nhằm đem lại hạnh phúc chân chánh ngay tại đời này và kết quả tốt đẹp ở đời sau.

Đặc biệt trong bộ kinh Tăng Chi, Đức Phật còn giáo hoá cho nàng dâu Sujāta của ông Anathapindika (Cấp cô độc) bằng cách nêu rõ bảy hạng người vợ ở đời: ba loại đầu tiên gồm những người vợ có ác tính cư xử với chồng như kẻ sát nhân, trộm cắp hoặc chủ nhân, đem lại sự đau khổ suy vong cho nhà chồng và lãnh nghiệp báo cho bản thân ở đọa xứ, địa ngục lúc tái sinh.

Bốn hạng vợ hiền kế tiếp được miêu tả với các đức tính tốt đẹp, cư xử với chồng như một người mẹ hiền, hoặc một người chị em, hoặc một người bạn và thậm chí như một nữ tì. Bốn hạng vợ này có thể đem lại sự hưng thịnh hạnh phúc cho nhà chồng và phước báo cho bản thân ở thiện thú, thiên giới đời sau.

Chuyện lâu đài trinh phụ này là một thí dụ về người vợ hiền thực đầy đủ các đức tính cao đẹp của người phụ nữ, cư xử với chồng như một người mẹ bao dung độ lượng. Nàng lại thông minh để có thể làm bạn luận bàn cùng chồng, vừa dịu dàng thành thật như chị em, vừa nhẫn nhục như một nữ tì. Ngoài ra, nàng còn là một tín nữ mộ đạo, bố thí cúng dường tùy theo phương tiện của nàng. Tóm lại, nàng là mẫu người phụ nữ lí tưởng xứng đáng được mọi người yêu mến của mọi người trong mọi thời đại. Và hậu quả tất nhiên của đức hạnh ấy là những phúc lạc thanh cao nàng hưởng thụ trên cõi Thiên sau khi mạng chung.

Những vần thi kệ Pali một lần nữa lại đưa ta vào một cảnh Thiên cung đầy kì thú diệu lệ dành cho những hạng người làm được nhiều việc thiện ở đời này, đem lại hạnh phúc an lạc cho mình và cho người khác.

Nguyệt san Giác Ngộ, số 40, 07-1999

--- o0o ---

Tiểu Bộ Kinh - Ngạ quý sự

Chuyện Nữ nhân sói đầu

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Sàvatthi (Xá vệ).

Thời xưa tại Bebares (Ba la nại), có một nữ nhân sống nhờ sắc đẹp của mình. Bấy giờ tóc Nàng thật dài, đen nhánh, mịn màng, mềm mại và óng ả, cuộn lại rất đẹp. Các bím tóc Nàng được kết thành hai nắm tay, mỗi khi buông rơi chúng xuống tận thất lưng Nàng.

Lúc đó, một số nữ nhân ganh tị bàn luận và sau khi mua chuộc nữ tì của nàng, lại gửi cho cô ả một thứ thuốc sẽ huỷ hoại mái tóc Nàng. Bấy giờ, nữ tì pha thuốc ấy vào bột tắm và đưa cho chủ nhân vào lúc chủ nhân đi tắm ở sông Hằng. Nàng dùng thứ thuốc pha ấy tắm vào tóc thật kĩ đến tận gốc và nhảy vào dòng nước. Ngay khi Nàng vừa ngấm mình vào nước, tóc nàng liền rụng ra tận gốc, sạch trơn tru và đầu nàng giống như trái mướp đắng.

Sau đó, trông xấu xí như chim bồ câu bị vặt hết lông, Nàng hổ thẹn không dám vào thành nữa, phải choàng khăn phủ đầu và cư trú ngoài thành. Khi nỗi hổ thẹn đã qua đi và đã biết ép hạt mè, Nàng sinh sống bằng nghề bán dầu và rượu mạnh.

Một hôm, khi ba người đàn ông say rượu đã ngủ mê man, Nàng lấy trộm tất cả y phục của họ đang treo lưng lửng. Rồi một ngày nọ, Nàng thấy một vị Thánh tăng đi khát thực, sau khi mời vị ấy vào, Nàng cúng dường một chiếc bánh làm bằng hạt dẻ trộn dầu mè. Vì thương xót Nàng, vị ấy đã nhận bánh và ăn.

Nàng đứng đó với tâm hoan hỉ, che lên trên vị ấy một chiếc lọng. Vị trưởng lão xúc động, nói lời tùy hỉ công đức và ra đi.

Bấy giờ, Nàng phát nguyện: "Mong ước Ta sẽ được mái tóc đen mịn màng óng ả, mềm mại như tơ cuốn lên thật đẹp".

Về sau nàng từ trần, nhờ vào thiện nghiệp của mình, Nàng được tái sinh giữa một đại dương một mình trong một lâu đài bằng vàng, tóc nàng được phục hồi như Nàng đã ước nguyện. song vì Nàng đã lấy trộm y phục của đám đàn ông, nay Nàng phải trần truồng. Nàng cứ tái sinh mãi trong lâu đài bằng vàng kia và phai chịu sống trần truồng một kiếp (1) tại đó.

Rồi về sau, Đức Thế Tôn giáng thế, trong lúc Ngài trú tại Sàvatthi, một trăm thương nhân có nhà ở đó lên thuyền đến xứ Suvannbhumi (Kim địa). Thuyền của họ bị bão tố trôi dạt đến bờ kia. Lúc ấy nữ quỷ cùng lâu đài hiện ra trước mặt họ. Khi vị trưởng đoàn thương nhân thấy nữ quỷ, liền hỏi:

*Nàng là ai trú ở lâu đài,
Xin hỏi, sao không đến phía ngoài?
Mau bước ra đây, này nữ chủ,
Cho ta chiêm ngưỡng lực hùng oai.*

Nữ quỷ đáp:
*Ta đây khốn khổ lại trần truồng
Không dám bước ra bởi thẹn thường
Che tấm thân mình bằng mái tóc,
Vì ta ít tạo nghiệp hiền lương.*

Thương nhân:
*Ta sẽ đem y phục tặng nàng,
Mặc vào che kín, hỡi hồng nhan,
Bước ra, nữ chủ, ta mong muốn
Nhìn ngắm nàng mang đủ thần lực.*

Nữ quỷ:
*Những vật gì chư vị tặng ta
Cũng không giúp ích được ta mà.
Song đây có một người đồ đệ
Đầy đủ lòng tin đức phật đà.
Sau khi đem áo tặng người này,
Hồi hướng cho ta phước đức vậy,
Ta sẽ được ban nhiều hạnh phúc*

Mọi nguồn lạc thú sẽ tràn đầy.

Sau khi nghe nàng nói, các thương nhân tắm rửa và thoa dầu thơm lên người
đệ tử tại gia kia và khoác lên chàng một bộ y phục.

Chư vị kết tập kinh điển, ngâm ba vần kệ để giải thích việc này:

*Khi đã tắm chàng, đấm phủ thương
Cho chàng cư sĩ tắm dầu hương,
Và cho chàng được mang y phục,
Nữ quý hưởng công đức cúng dường.
Kết quả này do việc cúng dường.
Trần đầy y phục với đồ ăn.
Xiêm y thanh lịch, nàng trong trắng
Khoác lụa ba la nại tuyệt trần
Vừa mỉm miệng cười, nàng mỹ nữ
Bước ra lầu ấy, lại thưa rằng:
"Đây là kết quả từ công đức
Lễ vật các ngài đã hiến dâng".*

Thương nhân:

*Lâu đài lắm kiêu cách cao sang,
Khả ái tươi vui sáng rõ ràng,
Thần nữ (2) nói cho đoàn lũ khách
Nghệp gì đây kết quả cho nàng?*

Nữ thần:

*Gặp người khát sĩ bước du hành,
Chân chánh từ kheo, dạ tín thành,
Ta đến cúng dường người bánh dẻ
Trộn dầu mè với chính tay mình.
Vì thiện nghiệp này ta hưởng đây
Trong lâu đài đã biết bao ngày
Như là kết quả phần công đức,
Song chẳng còn lâu ở chốn này.
Sau bốn tháng nay sắp đến gần,
Rồi ta sẽ gặp Dạ ma thần (3)
Xuống niên địa ngục đầy khắc nghiệt,
Ta sẽ đoạ kinh khủng tội cùng.
Ngục bốn góc và bốn cửa vào,
Được chia phần nhỏ thật cân sao,
Chung quanh tường sắt đều bao bọc,
Và sắt che trên đỉnh mái cao.
Nền bằng sắt rục lửa bùng bùng,
Nóng bỏng, chói lò khắp mười phương,*

*Địa ngục muôn đời còn đứng mãi,
Trải dài muôn cả trăm do tuần.
Nơi kia ta chịu khổ lâu dài
Thọ quả do ta nghiệp chín mười,
Vì thế ta thương than khóc mãi
Chuyện này quả thật chẳng hề người.*

Tâm vị đệ tử tại gia đầy xúc động thương cảm, Chàng nói:

-Này nữ thần, do năng lực của lễ vật nài cúng dường ta, nài đã thành tựu mọi ước nguyện một cách xung mãn. Nhưng giờ đây, do cúng dường các cư sĩ tại gia này và ghi nhớ mọi đức hạnh của bậc đạo sư, nài sẽ thoát ra khỏi tái sinh vào địa ngục.

Nữ thần vô cùng hạnh phúc, thiết đãi chư vị đây đủ các loại ẩm thực, y phục, châu báu thần tiên và đưa tận tay chư vị một bộ y dăng Đức Thế Tôn. Nài cung kính đánh lễ và nói:

-Xin hãy đến Sàvatthi và đánh lễ Đức Thế Tôn cùng các lời này ta nhắn gửi: "Bạch Đức Thế Tôn, có một nữ quỷ kia cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn".

Sau đó nhờ thần lực của mình, nài đưa chiếc thuyền đến cảng ngày hôm đó. Các thương nhân đó đứng hạn đèn dăng lễ vật lên Đức Thế Tôn và kể lại chuyện trên.

-ooOoo-

Nhận xét:

Đây là một trong những chuyện trình bày cảnh giới quỷ thần, đó là trú xứ của những hạng chúng sanh đã gây ác nghiệp đồng thời có làm việc thiện lúc còn sống ở cõi người.

Nữ nhân trong truyện này đã sống theo tà hạnh, nhưng nhờ đã làm được việc thiện cúng dường một vị thánh tăng một chiếc bánh với tâm hoan hỷ nên nài đã được hưởng một phần hạnh phúc trong lâu đài giữa đại dương. Đồng thời nài phải chịu khổ hình sống trần truồng lạnh lẽo với mái tóc che thân như là quả báo của hành vi trộm cắp áo quần kiếp xưa.

Khi duyên lành đến, nài gặp được đám thương nhân là những người đệ tử tại gia của Đức Phật và nhờ họ dăng lễ vật cúng dường rồi hướng công đức ấy cho nài thoát khỏi khổ cảnh mà nài phải lãnh thọ trong suốt một kiếp. Sau đó, nài lại được vị đệ tử đầy thành tín của Đức Phật chỉ cho nài cách cúng dường cả nhóm thương nhân và ghi nhớ mọi công đức của bậc Đạo Sư để thoát khỏi tái sinh vào địa ngục do tà hạnh trước kia của nài.

Như vậy, nhờ hành động cứu giúp người hoạn nạn và có lòng tin vào Đức Phật, ác nghiệp của nài được tiêu trừ và nài tiếp tục sống đời nữ thần trong lâu đài giữa đại dương.

Điều đáng chú ý ở đây là trong trường hợp đặc biệt không có các bậc chân tu, các đệ tử tại gia đầy đủ lòng thành tín mộ đạo có thể cúng dường lễ vật

lên Tam bảo và hồi hướng công đức về các loài quỷ để đem lại phước phần cho chúng hưởng.

Chú thích:

1. kiếp: một khoảng thời gian vô hạn lượng
2. từ đây, nữ quỷ (Peti) được gọi là nữ thần (Devi).
3. Thần Dạ Ma (Yama) hay Diêm vương cai quản địa ngục. ngục toàn bằng sắt ở đây là ngục Avici hay vô gián, A tỳ- nơi các loại chúng sanh có tội phải chịu đau khổ không ngừng.

Nguyệt san Giác Ngộ, số 45, 12-1999

--- o0o ---

Tiểu Bộ Kinh - Chuyện Tiền Thân

Chuyện Củ sen và hoa sen (Số 392, Tiền thân Bhisapuppha)

"Ngài không được phép ngửi hương hoa..."

Bạch Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kì viên về một Tì kheo. Chuyện kể rằng vị tì kheo ấy đã rời kì viên và trú ở quốc độ Kosala gần một khu rừng. Một hôm, vị ấy xuống hồ sen, khi thấy một hoa sen, vị ấy đứng tránh gió và ngửi mùi hương sen. Vị nữ thần trong khu rừng ấy đe dọa vị ấy:

-Này tôn giả, ngài ngửi trộm hương, đây là một hình thức trộm cắp.

Vị Tì kheo ấy hoảng sợ trở về Kì viên, đến đánh lễ Bạch Đạo Sư và ngồi xuống một bên.

-Này Tì kheo, lâu nay ông ở đâu?

-Bạch Thế Tôn, con ở trong rừng nọ và vị nữ thần đe dọa con như vậy.

Bạch Đạo Sư bảo:

-Ông không phải là người đầu tiên bị nữ thần đe dọa khi ngửi hương hoa. Các bậc trí ngày xưa cũng từng bị đe dọa như vậy. Và theo lời thỉnh cầu của vị Tì kheo ấy, Ngài kể lại câu chuyện quá khứ.

Ngày xưa, khi Vua Brahmadat ta trị vì ở Banares (Ba la nại), Bồ tát thọ sanh vào một gia đình Balamôn Kàsi. Khi lớn lên, ngài học các nghệ thuật ở Takkhasi là và sau đó trở thành nhà khổ hạnh sống gần một ao sen. Một hôm ngài bước xuống ao và đứng ngửi một đoá hoa đang nở, một nữ thần ở trong một hốc cây gần đó ngâm vần kệ đầu đe dọa Ngài:

Ngài không được phép ngửi hương hoa,

Dù chỉ một hoa mới nở ra,

Đó thật là hình thức đạo tặc,

Sa môn, ngài trộm ngửi hương hoa.

Bồ tát liền ngâm vần thi kệ thứ hai:

*Ta chẳng hái, không bẻ gãy hoa,
Mùi hương ta gửi tự đàng xa,
Ta không thể bảo nào duyên có
Nàng nói ta đang gửi trộm hoa.*

Cùng lúc ấy, có một người đang đào bới gốc sen và củ sen, làm gãy nát thân cây sen. Bồ tát thấy thế, liền nói:

-Nàng gọi một người gửi mùi hương từ đàng xa là ăn trộm. Sao nàng không nói vậy với người kia đi.

Thế là Ngài ngâm vần thi kệ thứ ba để nói chuyện này:

*Kẻ nọ đang đào bới củ sen,
Phá thân cây gãy, đó nhìn xem,
Sao nàng không bảo cách hành động
Kẻ ấy là bừa bãi, thấp hèn?*

Nữ thần liền ngâm vần kệ thứ năm và sáu giải thích tại sao nàng không nói với kẻ kia:

*Những người phóng túng, sống buông lơi,
Như áo vú em, sống chán rồi,
Ta chẳng nói năng gì kẻ ấy,
Song ta chiếu cố nói ngài thôi.
Khi bỏ tham dục của thế nhân,
Và đi tìm chánh định thân tâm,
Tội dù chỉ nhỏ như đầu tóc
Chẳng khác trên trời đám hắc vân!*

Nghe nữ thần cảnh báo như vậy, bồ tát xúc động ngâm vần kệ thứ sáu:

*Hiển nhiên nữ thần hiểu tinh tường,
Nên với ta, nàng đã đoái thương,
Nếu thấy ta rày còn tái phạm,
Xin nàng nói nữa, khẩn cầu nàng.
Sau đó, nữ thần ngâm vần kệ thứ bảy:*

*Ta chẳng sống đây phụng sự ngài,
Chúng ta không ở mượn cho ai,
Xin ngài tự kiếm đường đi tới
Hạnh phúc tối cao giữa cõi đời.*

Khích lệ ngài như thế xong, nữ thần trở về nơi cư trú của nàng. Còn Bồ tát nhiệt tâm nhập đại định về sau tái sinh lên Phạm thiên giới.

Pháp thoại chấm dứt, Bạc Đạo Sư tuyên thuyết các Thánh đế và nhận diện tiền thân: lúc kết thúc các thánh đế, vị Tì kheo đã được an trú vào sơ quả (Dự lưu). Thời ấy nữ thần là Uppalavanna (Liên hoa sắc) và nhà khổ hạnh chính là Ta vậy.

-ooOoo-

Nhận xét:

Đây là một chuyện tiền thân liên hệ đến lời dạy của Đức Phật về cách giữ chánh niệm tỉnh giác trong mọi hành động của một vị Tỳ kheo.

Đức Phật luôn dạy chúng tăng giữ chánh niệm tỉnh giác trong bốn oai nghi đi đứng nằm ngồi và tránh các cử chỉ buông lung phóng dật của người đời để có thể đạt được phong cách và ý tứ trang nghiêm của bậc chân tu.

Nhân dịp một vị Tỳ kheo trẻ gửi một hoa sen bên hồ, một nữ thần đã xuất hiện và nhắc nhở vị ấy đừng gửi trộm hoa như vậy mà không xin phép ai.

Vị ấy liền trình Đức Phật và được ngài dạy rằng ngày xưa khi ngài còn là Bồ tát tu tập trong rừng, ngài cũng được một nữ thần cảnh báo về hành vi tương tự.

Thuở ấy, Bồ tát đã so sánh hành vi của mình với hành vi của người đang bẻ ngô sen và củ sen một cánh bừa bãi, rồi hỏi tại sao nữ thần không nhắc nhở kẻ ấy. Nữ thần giải thích: Đối với những kẻ phạm tục chưa nghe chánh pháp và còn tham đắm mọi dục lạc ở đời thì nàng không muốn nhắc nhở vì họ đã từng phạm nhiều lỗi lầm khác có thể còn to lớn hơn nhiều, nên dù được nhắc nhở cũng vô ích.

Còn đối với chư Tỳ kheo đã phát nguyện xuất gia, bỏ lại đằng sau mọi dục lạc của thế gian thì phải luôn cẩn trọng trong mọi cử chỉ hành động để có thể sông đời sống phạm hạnh "hoàn toàn thanh tịnh và trắng bạch như vỏ ốc" theo đúng lời Phật dạy mới có thể tinh cần tiến lên cao trên con đường giải thoát giác ngộ. Vì thế chư vị ấy cần thấy rõ sự nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhất để tránh phạm những lỗi lớn lao có thể cản trở bước đường tu thân của mình.

Tuy nhiên, lời cảnh báo ấy chỉ được đưa ra một lần và sau đó vị ấy phải tự giác chế ngự bản thân chứ không ai nhắc nhở mãi; vì việc xuất gia tu hành là ý nguyện riêng của từng người. Vì vậy, nếu vị ấy muốn đạt hạnh phúc tối cao thì phải tự mình thường xuyên hộ phòng tam nghiệp thân, khẩu và ý thanh tịnh.

Bài kinh này được xếp vào bộ Tương Ưng trong phẩm Chư Thiên. Ở đây, bài kinh được chư vị kết tập kinh điển chế tác thành một chuyện tiền thân theo thể văn xuôi xen kẽ thi kệ vấn đáp để tăng thêm phần thú vị cho người học đạo. Vị nữ thần ở đây chính là tiền thân của Tỳ kheo ni Uppalavanna (Liên hoa sắc), một trong hai vị nữ đại đệ tử của giáo hội Tỳ kheo ni đã được đức Phật ban danh hiệu nữ đệ tử thân thông đệ nhất bên cạnh Tỳ kheo ni Khema (Thái Hoà) - trí tuệ đệ nhất, đồng đẳng với hai tỳ kheo Sariputta (Xá lợi phất) và Moggallāna (Mục kiên liên), trí tuệ đệ nhất và thân thông đệ nhất trong giáo hội tỳ kheo tăng.

Nguyệt san Giác Ngộ, số 66, 09-2001

---o0o---

HẾT